

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn U**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn U trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị T do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào ngày 12 tháng 5 năm 2009, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 4 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 27 tháng 12 năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Anh và chị T không còn sống chung từ ngày 10 tháng 6 năm 2018 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 750.000đ/tháng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 06 tháng 5 năm 2019, đơn phản tố ngày 22 tháng 7 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của anh U về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh U có người phụ nữ khác, anh U đi nhậu về chửi và đánh vợ con. Chị và anh U vẫn sống chung nhà. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh U thì chị không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng 03 con chung, đồng ý với ý kiến của anh U là anh U tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi cháu là 750.000đ/tháng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Thừa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 8.230,7m² trong đó đất thổ 230m², đất trồng cây lâu năm là 8.007,7m² đất tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh Phạm Văn U đại diện đứng tên và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng khoảng năm 2007 giá trị còn lại khoảng 30.000.000đ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nhận căn nhà chị sẽ trả lại cho anh U 15.000.000đ.

Đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 6, diện tích 8.230,7m² chị yêu cầu chia đôi:

+ Anh Phạm Văn U nhận diện tích 4.007,7m² đất trồng cây lâu năm và 115m² đất thổ.

+ Chị Nguyễn Thị T nhận diện tích 4.000m² đất trồng cây lâu năm và 115m² đất thổ.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019 chị T có đơn xin rút yêu cầu phản tố không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 06 tháng 5 năm 2019 cháu Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25/3/2011 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 trích lục kết hôn bản sao, 03 trích lục khai sinh bản sao; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản sao.

Bị đơn đã nộp: 01 bảng khai ý kiến bản gốc, 01 đơn xin thay đổi ý kiến bản gốc, 01 đơn phản tố bản gốc, 01 đơn xin rút yêu cầu phản tố bản gốc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 244, 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn U được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn U cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 750.000đ/tháng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của chị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 4 năm 2009. Theo lời trình bày của anh U thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 27 tháng 12 năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Theo chị T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh U có người phụ nữ khác, anh U đi nhậu về chửi và đánh vợ con. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh U thì chị không đồng ý nhưng chị không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng anh U kiên quyết ly hôn với chị T, anh cho rằng giữa anh và chị T không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh U yêu cầu ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được đoàn tụ vì thương con muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con, yêu cầu của chị T là không được chấp nhận.

[2] Con chung: Anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T có 03 người con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017. Anh U chị T thống nhất thỏa thuận giao 03 con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017 cho chị T nuôi dưỡng. Anh U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 750.000đ/tháng cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, **Điều 27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn U.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn U được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2] Con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2011, Phạm Ngọc N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 2013 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thùy D, cháu Ngọc N và cháu Tuấn K đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Chị Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn khi có yêu cầu.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Anh Phạm Văn U và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn U chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng anh U phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009753 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh U phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.518.500đ (Năm triệu năm trăm mười tám nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007550 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui